

Số: 5967 /BC-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 12 năm 2023

## BÁO CÁO

### Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2022

Căn cứ Công văn số 3943/BGDĐT-GDDH ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp (SVTN) hàng năm;

Thực hiện Kế hoạch số 4607/KH-ĐHĐT ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Trường Đại học Đồng Tháp (ĐHĐT) về việc khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2022; Nhà trường đã triển khai hoạt động khảo sát, kết quả cụ thể như sau:

#### I. MÔ TẢ VỀ HOẠT ĐỘNG KHẢO SÁT

##### 1. Đơn vị thực hiện

Nhà trường giao Phòng Bảo đảm chất lượng làm đầu mối, các khoa đào tạo phối hợp và chịu trách nhiệm liên lạc với SVTN để thu thập thông tin về tình hình việc làm.

##### 2. Hình thức thực hiện

- Gọi điện thoại trực tiếp cho SVTN;
- Khảo sát online bằng Google Form.

3. Thời gian khảo sát: Từ tháng 10/2023 đến tháng 12/2023.

##### 4. Thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp

Số lượng SVTN theo từng ngành đào tạo của Trường ĐHĐT được thể hiện qua bảng số liệu sau:

TT	Ngành	Số lượng SVTN		Tổng cộng
		Đại học	Cao đẳng	
1	Quản lý giáo dục	1		1
2	Giáo dục Mầm non	158	61	219
3	Giáo dục Tiểu học	71	35	106
4	Giáo dục Chính trị	17		17
5	Giáo dục Thể chất	26		26
6	Sư phạm Toán học	41	9	50
7	Sư phạm Tin học	1		1
8	Sư phạm Vật lý		1	1
9	Sư phạm Hóa học	21	1	22
10	Sư phạm Sinh học	1	1	2
11	Sư phạm Ngữ văn	30	1	31
12	Sư phạm Lịch sử	16	2	18

TT	Ngành	Số lượng SVTN		Tổng cộng
		Đại học	Cao đẳng	
13	Sư phạm Địa lý	8		8
14	Sư phạm Âm nhạc	24		24
15	Sư phạm Mỹ thuật	2		2
16	Sư phạm Tiếng Anh	27		27
17	Ngôn ngữ Anh	91		91
18	Ngôn ngữ Trung Quốc	88		88
19	Quản lý văn hóa	8		8
20	Việt Nam học	46		46
21	Quản trị kinh doanh	52		52
22	Tài chính - Ngân hàng	41		41
23	Kế toán	114		114
24	Khoa học môi trường	6		6
25	Khoa học máy tính	39		39
26	Nông học	15		15
27	Nuôi trồng thủy sản	35		35
28	Công tác xã hội	16		16
29	Quản lý đất đai	1		1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>996</b>	<b>111</b>	<b>1.107</b>

Năm 2022, Trường ĐHQG có 1.107 SVTN thuộc hệ đào tạo chính quy, trong đó: 996 SVTN đại học (ĐH) chiếm tỷ lệ 89,97% và 111 SVTN cao đẳng (CĐ) các ngành đào tạo giáo viên chiếm tỷ lệ 10,03%.

### 5. Tiến độ tốt nghiệp

Tiến độ tốt nghiệp của SV được xác định dựa trên thời điểm trúng tuyển nhập học và thời điểm tốt nghiệp của SV. Năm 2022, SVTN đúng tiến độ thuộc khóa tuyển sinh 2018 (đối với hệ ĐH) và khóa tuyển sinh 2019 (đối với hệ CĐ). Tiến độ tốt nghiệp của SV Trường ĐHQG năm 2022 được thể hiện qua bảng số liệu sau:

TT	Trình độ	Đúng tiến độ		Không đúng tiến độ		Tổng cộng
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
1	Đại học	615	61,75	381	38,25	996
2	Cao đẳng	43	38,74	68	61,26	111
	<b>Tổng cộng</b>	<b>658</b>	<b>59,44</b>	<b>449</b>	<b>40,56</b>	<b>1.107</b>

Trong số 1.107 SVTN năm 2022 của Trường ĐHQG, có 658 SVTN đúng tiến độ, chiếm tỷ lệ 59,44% và 449 SVTN không đúng tiến độ, chiếm tỷ lệ 40,56%.

## 6. Kết quả phản hồi của sinh viên tốt nghiệp

Kết quả phản hồi của SVTN năm 2022 của Trường ĐHĐT được thể hiện qua bảng số liệu sau:

TT	Trình độ	Phản hồi		Không phản hồi		Tổng cộng
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
1	Đại học	970	97,39	26	2,61	996
2	Cao đẳng	105	94,59	6	5,41	111
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.075</b>	<b>97,11</b>	<b>32</b>	<b>2,89</b>	<b>1.107</b>

Trong số 1.107 SVTN năm 2022 của Trường ĐHĐT, có 1.075 SVTN phản hồi về tình hình việc làm chiếm tỷ lệ 97,11% và 32 SVTN không phản hồi chiếm tỷ lệ 2,89%. So với đợt khảo sát năm 2022, số lượng SVTN có phản hồi về tình hình việc làm tăng 4,78% (năm 2022 tỷ lệ là 92,33%).

## II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

### 1. Tỷ lệ việc làm của sinh viên tốt nghiệp

Tỷ lệ việc làm của SVTN năm 2022 của Trường ĐHĐT được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Nội dung	Số lượng
Tổng số SVTN	1.107
Số lượng SV phản hồi	1.075
Số lượng SV có việc làm	918
Số lượng SV tiếp tục học	41
Số lượng SV chưa có việc làm	116
<b>Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi</b>	<b>89,21%</b>
<b>Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV tốt nghiệp</b>	<b>86,63%</b>

Trong số 1.075 SVTN có phản hồi về tình hình việc làm, số lượng SVTN có việc làm là 918, số lượng SVTN tiếp tục học là 41 và 116 SVTN chưa có việc làm. Như vậy, nếu tính trên tổng số SVTN có phản hồi, tỷ lệ SVTN năm 2022 của Trường ĐHĐT có việc làm là 89,21%; nếu tính trên tổng SVTN, tỷ lệ việc làm của SVTN là 86,63%.

So với kết quả khảo sát năm 2022, tỷ lệ SVTN có việc làm được khảo sát năm 2023 của Trường ĐHĐT gần như nhau (tăng 0,09%). Tuy nhiên, xét trên tổng số SVTN, tỷ lệ việc làm của SVTN được khảo sát năm 2023 tăng 4,34% so với năm 2022. Thống kê chi tiết về tỷ lệ việc làm của SVTN năm 2023 của Trường ĐHĐT đối với từng ngành đào tạo được thể hiện trong biểu mẫu đính kèm báo cáo này (Mẫu số 1 - Công văn số 3943/BGDĐT, ngày 31 tháng 8 năm 2018).

### 2. Mức độ liên quan của việc làm với ngành được đào tạo

Mức độ liên quan của việc làm với ngành được đào tạo của SVTN năm 2022 tại Trường ĐHĐT thể hiện qua bảng số liệu sau:

Tình hình việc làm	Số lượng SV	Tỷ lệ %
Đúng ngành đào tạo	543	56,62
Liên quan đến ngành đào tạo	220	22,94
Không liên quan đến ngành đào tạo	155	16,16
Tiếp tục học tập nâng cao trình độ	41	4,28
<b>Tổng cộng</b>	<b>959</b>	<b>100,00</b>

Trong số những SVTN có việc làm, chiếm tỷ lệ cao nhất là việc làm đúng ngành đào tạo với 56,62%, tiếp theo là việc làm liên quan đến ngành đào tạo và không liên quan đến ngành đào tạo với tỷ lệ tương ứng 22,94% và 16,16%. Tỷ lệ SVTN tiếp tục học tập nâng cao trình độ là 4,28%.

So với đợt khảo sát năm 2022, tỷ lệ việc làm đúng ngành đào tạo giảm 9,39%; tỷ lệ việc làm liên quan đến ngành đào tạo tăng 7,06%; tỷ lệ việc làm không liên quan đến ngành đào tạo tăng 1,99%; tỷ lệ SVTN tiếp tục học tập nâng cao trình độ gần bằng so với năm 2022 (giảm 0,36%).

### 3. Khu vực làm việc của sinh viên tốt nghiệp có được việc làm

Khu vực làm việc của SVTN năm 2022 tại Trường ĐHĐT được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Khu vực làm việc	Số lượng	Tỷ lệ %
Nhà nước	380	41,39
Tư nhân	395	43,03
Tự tạo việc làm	33	3,59
Có yếu tố nước ngoài	110	11,98
<b>Tổng cộng</b>	<b>918</b>	<b>100,00</b>

Phần lớn SVTN năm 2022 của Trường ĐHĐT có việc làm trong lĩnh vực nhà nước và tư nhân, với tỷ lệ tương ứng là 41,39% và 43,03%; tỷ lệ SVTN có việc làm trong các cơ quan, doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài chiếm 11,98%; tỷ lệ SVTN tự tạo việc làm chiếm 3,59%.

So với kết quả khảo sát năm 2022, tỷ lệ SVTN có việc làm trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước giảm 11,75%; tỷ lệ SVTN có việc làm trong các cơ quan, doanh nghiệp tư nhân tăng 7,65%; tỷ lệ SVTN có việc làm trong các cơ quan, doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài tăng 2,96%; tỷ lệ SVTN tự tạo việc làm tăng 1,13%.

### 4. Thời gian có được việc làm của sinh viên tốt nghiệp

Thông kê chi tiết thời gian có được việc làm của SVTN được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Thời gian có được việc làm	Số lượng	Tỷ lệ %
Dưới 6 tháng	643	70,04
Từ 6 đến dưới 12 tháng	184	20,04
Sau 12 tháng	91	9,91
<b>Tổng cộng</b>	<b>918</b>	<b>100,00</b>

Về thời gian có được việc làm, phần lớn SVTN đều có việc làm dưới 6 tháng sau khi tốt nghiệp với tỷ lệ 70,04%. Còn lại là số lượng SVTN có việc làm sau 6 tháng, trong đó việc làm của SVTN từ 6 tháng đến 12 tháng chiếm 20,04% và thấp nhất là việc làm sau 12 tháng với 9,91%.

### 5. Thu nhập của sinh viên tốt nghiệp

Thống kê chi tiết thu nhập của SVTN được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Thu nhập của SV	Số lượng	Tỷ lệ %
Dưới 5 triệu	354	38,56
Từ 5 đến 10 triệu	426	46,41
Trên 10 triệu	138	15,03
<b>Tổng cộng</b>	<b>918</b>	<b>100,00</b>

Về thu nhập của SVTN sau khi được tuyển dụng, phần lớn SVTN có thu nhập dưới 10 triệu đồng, trong đó mức thu nhập từ 5 đến dưới 10 triệu đồng chiếm tỷ lệ cao nhất với 46,41%, tiếp theo là SVTN nhận mức thu nhập dưới 5 triệu đồng chiếm tỷ lệ 38,56%. Số lượng SVTN nhận được mức thu nhập trên 10 triệu chiếm tỷ lệ tương đối thấp với 15,03%.

## III. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

### 1. Thuận lợi

- Lãnh đạo Trường và lãnh đạo các khoa đào tạo rất quan tâm đến tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp và xem đây là yếu tố có ý nghĩa quan trọng trong việc khẳng định chất lượng đào tạo và thương hiệu của Trường.

- Phòng Đào tạo, các khoa đào tạo đã có những giải pháp hiệu quả trong việc thu thập số điện thoại và địa chỉ email của SV vào thời điểm làm thủ tục xét tốt nghiệp. Điều này đã giúp cho việc liên hệ với SVTN trong quá trình khảo sát được thuận lợi hơn, giúp tỷ lệ SVTN có việc làm trên tổng số SVTN ngày càng được nâng cao.

### 2. Khó khăn

Một số SVTN đã thay đổi số điện thoại so với số điện thoại đã cung cấp trước khi tốt nghiệp nên các khoa đào tạo không thể liên lạc với SV.

Trên đây là báo cáo của Trường ĐHĐT về kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2022. *Miu*

#### Nơi nhận:

- Vụ Giáo dục Đại học (đề b/c);
- Công khai trên website Trường;
- Lưu: VT, BDCL(D).



HIỆU TRƯỞNG

Hồ Văn Thống

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2022**

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số lượng SVTN		Số lượng SV phản hồi		Tình trạng việc làm					Tỷ lệ có việc làm/ Tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ có việc làm/ Tổng số SVTN	Khu vực làm việc			
			Tổng cộng	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
							Đúng ngành	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
1	7140114	Quản lý giáo dục	1	0	1	0	0	0	0	0	1	0.00	0.00	0	0	0	0
2	7140201	Giáo dục Mầm non	158	158	150	150	128	1	9	0	12	92.00	87.34	76	57	3	2
3	7140202	Giáo dục Tiểu học	71	58	66	54	60	0	0	0	6	90.91	84.51	53	7	0	0
4	7140205	Giáo dục Chính trị	17	6	16	6	7	2	3	0	4	75.00	70.59	8	3	0	1
5	7140206	Giáo dục Thể chất	26	3	26	3	16	1	9	0	0	100.00	100.00	16	8	2	0
6	7140209	Sư phạm Toán học	41	20	41	20	28	3	5	2	3	92.68	92.68	23	7	6	0
7	7140210	Sư phạm Tin học	1	1	0	0	0	0	0	0	0	-	0.00	0	0	0	0
8	7140212	Sư phạm Hóa học	21	11	21	11	15	1	1	2	2	90.48	90.48	14	3	0	0
9	7140213	Sư phạm Sinh học	1	0	0	0	0	0	0	0	0	-	0.00	0	0	0	0
10	7140217	Sư phạm Ngữ văn	30	23	30	23	27	0	0	0	3	90.00	90.00	26	1	0	0
11	7140218	Sư phạm Lịch sử	16	5	16	5	12	2	0	0	2	87.50	87.50	13	1	0	0
12	7140219	Sư phạm Địa lý	8	2	8	2	5	0	1	0	2	75.00	75.00	4	2	0	0
13	7140221	Sư phạm Âm nhạc	24	8	22	8	16	1	2	0	3	86.36	79.17	15	2	0	2
14	7140222	Sư phạm Mỹ thuật	2	1	2	1	2	0	0	0	0	100.00	100.00	0	1	1	0
15	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	27	23	27	23	22	3	0	1	1	96.30	96.30	16	6	0	3
16	7220201	Ngôn ngữ Anh	91	71	88	69	7	42	26	5	8	90.91	87.91	7	40	6	22
17	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	88	68	87	67	15	49	13	4	6	93.10	92.05	4	13	0	60
18	7229042	Quản lý văn hóa	8	5	8	5	0	3	2	0	3	62.50	62.50	1	4	0	0
19	7310630	Việt Nam học	46	26	46	26	11	4	15	0	16	65.22	65.22	5	24	1	0
20	7340101	Quản trị kinh doanh	52	32	52	32	8	26	10	0	8	84.62	84.62	6	29	1	8
21	7340201	Tài chính - Ngân hàng	41	29	40	28	23	6	5	1	5	87.50	85.37	5	27	2	0
22	7340301	Kế toán	114	101	112	99	37	42	19	1	13	88.39	86.84	20	70	4	4

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số lượng SVTN		Số lượng SV phản hồi		Tình trạng việc làm					Tỷ lệ có việc làm/ Tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ có việc làm/ Tổng số SVTN	Khu vực làm việc			
			Tổng cộng	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tur nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
							Đúng ngành	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
23	7440301	Khoa học môi trường	6	1	6	1	3	0	3	0	0	100.00	100.00	0	5	0	1
24	7480101	Khoa học máy tính	39	6	38	6	12	11	6	1	8	78.95	76.92	12	14	3	0
25	7620109	Nông học	15	4	15	4	4	5	4	0	2	86.67	86.67	3	10	0	0
26	7620301	Nuôi trồng thủy sản	35	10	35	10	16	10	6	0	3	91.43	91.43	5	21	1	5
27	7760101	Công tác xã hội	16	8	16	8	4	6	6	0	0	100.00	100.00	9	7	0	0
28	7850103	Quản lý đất đai	1	1	1	1	0	0	1	0	0	100.00	100.00	0	0	1	0
29	51140201	Giáo dục Mầm non	61	61	58	58	51	0	5	1	1	98.28	93.44	31	23	2	0
30	51140202	Giáo dục Tiểu học	35	28	33	26	13	1	2	15	2	93.94	88.57	8	7	0	1
31	51140209	Sư phạm Toán học	9	6	9	6	1	0	1	6	1	88.89	88.89	0	2	0	0
32	51140211	Sư phạm Vật lý	1	0	0	0	0	0	0	0	0	-	0.00	0	0	0	0
33	51140212	Sư phạm Hóa học	1	1	1	1	0	0	1	0	0	100.00	100.00	0	1	0	0
34	51140213	Sư phạm Sinh học	1	1	1	1	0	0	0	0	1	0.00	0.00	0	0	0	0
35	51140217	Sư phạm Ngữ văn	1	0	1	0	0	1	0	0	0	100.00	100.00	0	0	0	1
36	51140218	Sư phạm Lịch sử	2	1	2	1	0	0	0	2	0	100.00	100.00	0	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>			<b>1107</b>	<b>779</b>	<b>1075</b>	<b>755</b>	<b>543</b>	<b>220</b>	<b>155</b>	<b>41</b>	<b>116</b>	<b>89.21</b>	<b>86.63</b>	<b>380</b>	<b>395</b>	<b>33</b>	<b>110</b>

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 12 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống